

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2024/HS-ST
Ngày: 29-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Việt Bằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Thắng

Bà Trịnh Thị Kim Cúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Lã Ngọc Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Bùi Bá Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định. Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 33/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Ngô Huỳnh Đ**, sinh năm 1996 tại tỉnh Nam Định; đăng ký thường trú: Số 10/7/295 đường T, phường M, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Ngõ 360 đường B, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định; giới tính: N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Ngô Xuân T và bà Nguyễn Thị K; tiền án: Ngày 29-6-2018, Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xử phạt 24 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", ngày 25-3-2021 Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 23-3-2013 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, thành phố N, tỉnh Nam Định xử phạt vi phạm hành chính hình thức cảnh cáo về hành vi tàng trữ vũ khí thô sơ, ngày 26-6-2013 Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xử phạt 12 tháng tù về tội "Công nhiên chiếm đoạt tài sản", ngày 07-4-2016 Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm, tuyên miễn trách nhiệm hình sự về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 13-11-2023, chuyển tạm giam ngày 16-11-2023. Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định, có mặt.

* Bị hại:

1. Anh Bùi Duy M, sinh năm 1994; nơi cư trú: Xóm H, xã T, huyện M, tỉnh Nam Định (có mặt).

2. Anh Trần Tiến Đ, sinh năm 2002; nơi cư trú: Xóm 10, xã C, huyện H, tỉnh Nam Định (có đơn xin xét xử vắng mặt).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Trần Thị Tr, sinh năm 2001, nơi cư trú: Xóm H, xã T, huyện M, tỉnh Nam Định

Người đại diện theo đơn ủy quyền của chị Tr: Anh Bùi Duy M, sinh năm 1994; nơi cư trú: Xóm H, xã T, huyện M, tỉnh Nam Định (có mặt).

2. Ông Đặng Quốc H, sinh năm 1976; nơi cư trú: Số 30/47 đường P, phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định (vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ)

3. Ông Trần Văn N, sinh năm 1968; nơi cư trú: Xóm Đ, xã N, huyện T, tỉnh Nam Định (có mặt).

* Người làm chứng:

- Ông Giang Văn D, sinh năm 1980; anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1998 (không triệu tập đến phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quen biết với Ngô Huỳnh Đ nên ngày 25-10-2023, anh Bùi Duy M nhắn tin nhờ Đ tìm mua hộ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Promax do hãng Apple sản xuất. Do đang nợ tiền nhiều nên Đ nảy sinh ý định lừa anh M bằng cách sẽ mua 01 điện thoại di động “nhái” (không phải do hãng Apple sản xuất) kiểu dáng Iphone 15 Promax để bán cho anh M. Đ lên mạng xã hội Facebook mua được 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Promax “nhái” với giá 3.500.000 đồng của một người không quen biết.

Khoảng 14 giờ ngày 27-10-2023, Đ nhắn tin cho anh M thông báo có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Promax đã qua sử dụng, vẫn còn bảo hành, bản quốc tế với giá 30.000.000 đồng. Sau đó anh M và Đ thống nhất giá mua bán là 22.000.000 đồng và hẹn khoảng 18 giờ cùng ngày gặp nhau tại đê sông Đào (cạnh cổng công ty bê tông N), đối diện số nhà 459 đường B, phường L, thành phố N để giao dịch. Sau khi thỏa thuận với anh M xong, Đ đến nhà cậu họ mình là ông Giang Văn D, cư trú tại số 17/45 đường H, phường V, thành phố N nói dối mượn số tài khoản ngân hàng của ông D để giao dịch với anh M. Tin tưởng nên ông D đã cho Đ mượn tài khoản Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MBbank) số tài khoản 084399xxxx.

Khoảng 18 giờ cùng ngày, Đ đến điểm hẹn đưa chiếc điện thoại di động Iphone 15 Promax “nhái” cho anh M cùng vợ là chị Trần Thị Tr, trú tại Xóm H, xã T, huyện M, tỉnh Nam Định. Sau khi anh M và chị Tr kiểm tra máy thì Đ yêu cầu anh M chuyển khoản số tiền 22.000.000 đồng vào tài khoản mượn của ông Giang Văn D. Đến khoảng 18 giờ 15 phút cùng ngày, Đ đến nhà ông D lấy tiền. Ông D đã đưa cho

Đ 14.000.000 đồng tiền mặt, chuyển vào số tài khoản 2869999xxxxx Ngân hàng Techcombank của Đ số tiền 8.000.000 đồng. Số tiền chiếm hưởng này Đ đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Ngay sau khi nhận chiếc điện thoại, anh M và chị Tr đã mang đến cửa hàng sửa chữa, mua bán điện thoại của anh Đinh Trọng D có địa chỉ tại số 246 đường H, phường V, thành phố N để kiểm tra thì phát hiện chiếc điện thoại trên là hàng “nhái” giá khoảng 3.000.000 đồng. Anh M liền nhắn tin, gọi điện cho Đ yêu cầu trả lại máy điện thoại, đòi lại tiền nhưng Đ không trả lời.

Khoảng 09 giờ ngày 28-10-2023, Đ nhắn tin cho anh M cam kết sẽ trả lại tiền sau 04 ngày. Do không có tiền, Đ đã lên mạng xã hội Facebook nhờ 01 tài khoản không quen biết giả 01 mã chuyển số tiền 10.000.000 đồng với nội dung Đ chuyển khoản trả tiền cho anh M rồi chụp ảnh mã chuyển tiền trên gửi cho anh M, sau đó Đ cắt liên lạc với anh M và bỏ đi khỏi nơi cư trú.

Ngày 06-11-2023, anh Bùi Duy M đến Công an phường L, thành phố N trình báo sự việc. Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N, anh M trình bày sự việc như nêu trên và giao nộp 01 vỏ hộp điện thoại, 01 sạc điện thoại, 01 chiếc điện thoại kiểu dáng Iphone 15 Promax màu xám số sê-ri DNPZD3QRN6YK, 02 bản sao kê tài khoản 102360xxxx của Ngân hàng VietcomBank và các tờ giấy A4 sao chụp nội dung tin nhắn giữa anh M với Đ. Chị Trần Thị Tr có lời khai xác nhận sự việc nêu trên và nhận dạng xác định Đ là người bán điện thoại Iphone 15 Promax “nhái” cho anh M. Ông Giang Văn D xác nhận sự việc Đ mượn số tài khoản của ông và khẳng định không liên quan đến hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Đ. Anh Đinh Trọng D có lời khai xác nhận ngày 27-10-2023 anh M và chị Tr có đến cửa hàng nhờ anh kiểm tra máy điện thoại và anh đã thông báo cho anh M và chị Tr đây là máy “nhái”.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã nhiều lần triệu tập Ngô Huỳnh Đ đến làm việc tuy nhiên Đ đều vắng mặt tại nơi cư trú. Ngày 13-11-2023, Ngô Huỳnh Đ đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N đầu thú, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình và giao nộp một chiếc điện thoại di động Iphone X màu trắng có số seri G6VW108HJCLG. Quá trình điều tra, Ngô Huỳnh Đ còn tự khai ra hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Trần Tiến Đ, cư trú tại xóm 10, xã C, huyện H, tỉnh Nam Định, cụ thể như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 25-9-2023, Đ đang ở nhà trọ có địa chỉ ngõ 360 đường B, phường K, thành phố N thì anh Nguyễn Duy T, trú tại xã C, huyện H, tỉnh Nam Định cùng anh Trần Tiến Đ đi xe mô tô Honda SH 125 màu đen BKS 18H1 - 770.xx của anh Đ đến chơi. Do không có tiền tiêu, Đ nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt chiếc mô tô bán lấy tiền nên hỏi mượn xe anh Đ đi ra ngoài có việc. Anh Đ tin tưởng giao xe thì Đ điều khiển xe đến nhà ông Đặng Quốc H, trú tại số 30/47 đường P, phường H, thành phố N bán xe. Đ nói với ông H xe của người quen nhờ Đ bán hộ. Ông H đồng ý mua xe với giá 60.000.000 đồng, tuy nhiên do xe không có giấy tờ nên ông H đưa trước cho Đ số tiền 17.000.000 đồng, khi nào có đủ giấy tờ thì sẽ đưa nốt số tiền còn lại. Đ đưa căn cước công dân cho ông H để làm tin rồi quay về nhà trọ nói dối anh Đ là xe mô tô bị Cảnh sát 113 giữ, Đ sẽ đi lấy xe về rồi bỏ đi. Khoảng 00 giờ ngày 26-9-2023, Đ quay về phòng trọ của mình bảo anh Đ đưa giấy tờ để lấy xe. Anh Đ đồng ý rồi cùng anh T đi về lấy giấy tờ xe. Khoảng 15 giờ ngày 26-9-2023 anh Đ và anh T đến nhà Đ đưa đăng ký xe mô tô, Đ yêu cầu anh Đ gửi hình ảnh chụp 02 mặt căn cước công dân của anh Đ vào Zalo cho Đ. Sau đó Đ mang

đăng ký xe đến đưa cho ông H để nhận thêm số tiền 43.000.000 đồng. Sau khi bán xe, Đ quay về nhà trọ nói dối anh Đ là xe bị giam 10 ngày nên chưa lấy được. Ngày 09-10-2023, anh Đ và anh T lên nhà trọ gặp Đ thì Đ cam kết sẽ trả lại xe cho anh Đ vào ngày 16-10-2023. Đúng hẹn anh Đ gọi điện cho Đ nhưng không được nên đã đi tìm hiểu thì biết Đ mang xe mô tô của mình đi bán. Ngày 17-10-2023, Đ gặp và thừa nhận với anh Đ đã bán xe và hứa sẽ chuộc trả xe cho anh Đ nhưng do số tiền 60.000.000 đồng này Đ đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết nên sau đó Đ bỏ đi khỏi nơi cư trú. Trên cơ sở lời khai của Ngô Huỳnh Đ, ngày 27-11-2023 Cơ quan điều tra đã thông báo cho anh Trần Tiến Đ nên anh Đ đã đến Cơ quan điều tra trình báo sự việc nêu ở trên. Anh Nguyễn Duy T nhận dạng và có lời khai xác nhận Đ là người đã mượn và sau đó bán chiếc xe máy của anh Đ.

Tại Cơ quan điều tra, ông H xác nhận đã mang chiếc xe trên đến cửa hàng xe máy L ở 145 phố H, thành phố N bán lại với giá 58.500.000 đồng và khẳng định không biết chiếc xe máy trên là tài sản do Đ phạm tội mà có. Ông Trần Văn B là chủ cửa hàng xe máy L trình bày: Ông cùng ông Trần Văn N cư trú tại xóm Đ, xã M, huyện T, tỉnh Nam Định cùng mở cửa hàng kinh doanh mua bán xe máy tại 145-147 phố H, phường Q, thành phố N, cửa hàng mang tên là L. Sáng ngày 14-10-2023, khi ông B cùng ông N đang ở cửa hàng thì ông Đặng Quốc H đến và đề nghị bán chiếc xe Honda SH 125 màu đen, biển kiểm soát 18H1-770.xx. Sau khi kiểm tra xe, giấy tờ xe và hình chụp căn cước công dân của chủ xe, ông N đã đồng ý mua với giá 58.500.000 đồng. Sau đó ông N và ông H viết giấy mua bán theo mẫu của cửa hàng, các mẫu giấy tờ mua xe đều in sẵn họ tên của ông B ở bên phía người mua nhưng thực tế ông N mới là người mua xe. Ông Trần Văn N có lời khai xác nhận: Ông N là người mua chiếc xe Honda SH 125 màu đen, biển kiểm soát 18H1-770.xx do ông H mang đến bán với giá 58.500.000 đồng. Sau khi biết chiếc xe máy này liên quan đến vụ việc “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” ông đã tự nguyện giao nộp chiếc xe Honda SH 125 màu đen, biển kiểm soát 18H1-770.xx và 01 giấy chứng đăng ký xe mô tô số 18000074 mang tên Trần Tiến Đ, 01 giấy bán xe cho Cơ quan điều tra.

Cơ quan cảnh sát điều tra đã trưng cầu giám định đối với chiếc điện thoại “kiểu dáng” Iphone 15 Promax màu xám số sê-ri DNPZD3QRN6YK là vật chứng do anh M giao nộp. Bản Kết luận giám định số 8805/KL-KTHS ngày 19-12-2023 của Viện Khoa học hình sự - Bộ công an kết luận: Chiếc điện thoại gửi giám định không phải là điện thoại Iphone 15 Promax do hãng Apple sản xuất ra.

Cơ quan cảnh sát điều tra đã có công văn yêu cầu Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự tiến hành định giá đối với chiếc điện thoại “kiểu dáng” Iphone 15 Promax màu xám số sê-ri DNPZD3QRN6YK (không phải là điện thoại Iphone 15 Promax do hãng Apple sản xuất ra). Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 01/KL- HĐĐGTS ngày 08-01-2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố N kết luận: Chiếc điện thoại “kiểu dáng” Iphone 15 Promax đã qua sử dụng, dung lượng 1024.0GB, số seri: DNPZD3QRN6YK tại thời điểm ngày 27-10-2023 có giá trị là 3.200.000 đồng.

Cơ quan cảnh sát điều tra đã có công văn yêu cầu Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự tiến hành định giá đối với chiếc xe mô tô Honda SH 125 màu đen biển kiểm soát 18H1-770.xx. Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 50/KL-HĐĐGTS ngày 04-12-2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố N kết luận: Chiếc xe mô tô Honda SH 125 màu đen biển kiểm soát 18H1-770.xx tại thời điểm ngày 25-9-2023 có giá trị là 60.000.000 đồng.

Chiếc xe mô tô Honda SH màu đen biển kiểm soát 18H1-770.xx cùng giấy tờ xe đã được Cơ quan điều tra trả lại cho chủ sở hữu là anh Trần Tiến Đ. Sau khi nhận lại tài sản, anh Đ không có đề nghị gì khác.

Về vấn đề dân sự: Anh Bùi Duy M yêu cầu Ngô Huỳnh Đ phải trả lại số tiền 22.000.000 đồng, hiện Đ chưa trả lại. Ông Đặng Quốc H yêu cầu Ngô Huỳnh Đ phải trả lại số tiền 60.000.000 đồng, hiện Đ chưa trả lại. Ông Trần Văn N yêu cầu ông Đặng Quốc H trả lại số tiền 58.500.000 đồng, hiện ông H chưa trả lại.

Đối với ông Giang Văn D không biết Đ lừa đảo người khác rồi nhờ mình nhận chuyển khoản giúp nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Đối với ông Đặng Quốc H, ông Trần Văn N không biết chiếc xe mô tô là do Đ lừa đảo người khác mà có nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Đối với đối tượng đã giúp Ngô Huỳnh Đ làm giả các mã chuyển khoản, do bản thân Đ không biết là ai, quá trình điều tra cũng không xác định được nhân thân nên cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Bản Cáo trạng số 38/CT-VKS-TPND ngày 26-02-2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố Ngô Huỳnh Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

* Tại phiên tòa:

- Bị cáo Ngô Huỳnh Đ thừa nhận hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Bùi Duy M, anh Trần Tiến Đ như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo xác nhận chưa bồi thường số tiền còn lại cho anh Bùi Duy M và chưa trả số tiền 60.000.000 đồng đã nhận của ông Đặng Quốc H.

- Anh Bùi Duy M xác nhận gia đình bị cáo đã bồi thường cho anh số tiền 6.000.000 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử quyết định hình phạt theo quy định của pháp luật đối với bị cáo Ngô Huỳnh Đ.

- Ông Trần Văn N xác nhận là người trực tiếp giao dịch, kiểm tra giấy tờ xe và trả bằng tiền mặt số tiền 58.500.000 đồng cho ông H. Ông khẳng định ông là người viết số căn cước công dân và ngày cấp căn cước công dân của chủ xe lên Giấy mua bán đề ngày 14-10-2023 còn ông H là người viết nội dung còn lại.

Về vấn đề dân sự: Anh Bùi Duy M yêu cầu Ngô Huỳnh Đ phải trả số tiền còn lại là 16.000.000 đồng và không yêu cầu bị cáo phải chịu lãi chậm trả nếu chậm thi hành án. Ông Trần Văn N yêu cầu ông Đặng Quốc H trả lại số tiền 58.500.000 đồng và không yêu cầu ông H phải chịu lãi chậm trả nếu chậm thi hành án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng đã công bố và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 174, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Tuyên bố bị cáo Ngô Huỳnh Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, xử phạt bị cáo từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù;

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về vấn đề dân sự:

+ Buộc bị cáo Ngô Huỳnh Đ bồi thường cho anh Bùi Duy M số tiền còn lại là 16.000.000 đồng.

+ Buộc bị cáo Ngô Huỳnh Đ bồi thường cho ông Đặng Quốc H số tiền 60.000.000 đồng.

+ Buộc ông Đặng Quốc H phải trả lại cho ông Trần Văn N số tiền 58.500.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

+ 01 chiếc điện thoại “Kiểu dáng” Iphone 15 Promax màu xám, số seri: DNPZD3QRN6YK; 01 vỏ hộp điện thoại; 01 sạc điện thoại; 01 chiếc điện thoại Iphone X màu trắng, đã qua sử dụng, số seri G6VW108HJCLG là công cụ, phương tiện bị cáo Ngô Huỳnh Đ sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị cáo Ngô Huỳnh Đ phải chịu án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho anh Bùi Duy M và ông Đặng Quốc H.

Ông Đặng Quốc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho ông Trần Văn N.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Bị hại là anh Bùi Duy M không có ý kiến tranh luận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn N không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về người tham gia tố tụng và sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

- Chị Tr có giấy ủy quyền giải quyết vụ án cho anh M; ông Trần Văn B có giấy ủy quyền giải quyết vụ án cho ông Trần Văn N, ông Đặng Quốc H vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Trong giai đoạn điều tra, truy tố chị Tr, ông B, ông H đều đã có lời khai do đó sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật hình sự tiếp tục xét xử vụ án.

- Chị Trần Thị Tr là vợ anh Bùi Duy M và cùng anh M tham gia việc mua chiếc điện thoại di động Iphone 15 Promax “nhái” của Ngô Huỳnh Đ nên được xác định là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

- Ông Trần Văn N trình bày, do ông B là em trai ông đứng tên trên giấy phép kinh doanh nên các mẫu giấy tờ mua xe đều in sẵn họ tên của ông B ở bên phía người mua nhưng ông mới là người trực tiếp giao dịch, kiểm tra xe, giấy tờ xe và trả bằng tiền mặt số tiền 58.500.000 đồng cho ông H, ông là người viết số căn cước công dân và ngày cấp căn cước công dân của chủ xe lên Giấy mua bán đề ngày 14-10-2023; sau khi biết chiếc xe máy này liên quan đến vụ việc “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” ông đã tự nguyện giao nộp chiếc xe Honda SH 125 màu đen, biển kiểm soát 18H1-

770.xx và 01 giấy chứng đăng ký xe mô tô số 18000074 mang tên Trần Tiến Đ, 01 giấy bán xe cho Cơ quan điều tra. Lời khai này của ông N phù hợp với lời khai của ông Trần Văn B khẳng định, ông Trần Văn N là người mua xe do ông Đặng Quốc H mang đến, khi mua bán hai bên viết giấy mua bán theo mẫu của cửa hàng có tên hiệu là “L”, do ông là chủ cửa hàng và trên giấy phép kinh doanh mang tên ông nên các mẫu giấy tờ mua xe đều in sẵn họ tên của ông B ở bên phía người mua nhưng thực tế ông N mới là người mua xe, do đó ông Trần Văn N được xác định là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Ngô Huỳnh Đ và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[3] Về trách nhiệm hình sự: Lời khai nhận tội của bị cáo Ngô Huỳnh Đ phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, Biên bản nhận dạng, Kết luận giám định số 8805/KL-KTHS ngày 19-12-2023 của Viện Khoa học hình sự Bộ công an, Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 50/KL-HĐĐGTS ngày 04-12-2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố N, Kết luận định giá tài sản số 01/KL- HĐĐGTS ngày 08-01-2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố N và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 18 giờ ngày 27-10-2023, bị cáo Ngô Huỳnh Đ đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối bán cho anh Bùi Duy M 01 chiếc điện thoại “kiểu dáng” Iphone 15 Promax màu xám không phải do hãng Apple sản xuất ra (có giá trị 3.200.000 đồng) để chiếm đoạt của anh M số tiền 22.000.000 đồng, số tiền này bị cáo Đ chiếm hưởng và chi tiêu cá nhân hết. Ngoài ra, ngày 25 và 26-9-2023 bị cáo Ngô Huỳnh Đ đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối để mượn chiếc xe mô tô Honda SH màu đen biển kiểm soát 18H1-770.xx cùng giấy tờ xe của anh Trần Tiến Đ đem bán được số tiền 60.000.000 đồng, số tiền này bị cáo Đ chiếm hưởng và chi tiêu cá nhân hết.

Hành vi của bị cáo Ngô Huỳnh Đ là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự an toàn xã hội; bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện; tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt được là 82.000.000 đồng nên bị cáo Ngô Huỳnh Đ đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thuộc trường hợp định khung tăng nặng “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”; bị cáo đã có 02 tiền án chưa được xóa án tích nay lại phạm tội nên thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”, tội phạm và hình phạt quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

[4] Các tình tiết Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo:

[4.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Ngô Huỳnh Đ đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; có đơn xin đầu thú đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Bùi Duy M; tự khai ra hành vi phạm tội khi chưa bị phát hiện đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Trần Tiến

Đ; gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 6.000.000 đồng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Ngô Huỳnh Đ phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4.3] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo Ngô Huỳnh Đ là nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đối với an ninh trật tự trên địa bàn thành phố N; bị cáo có nhân thân xấu vì đã từng nhiều lần bị Tòa án xét xử về các tội danh khác nhau trong đó có loại tội chiếm đoạt tài sản tuy đã được xóa tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để cải tạo mà lại tiếp tục phạm tội cho thấy bị cáo không tích cực hướng thiện; bị cáo cũng chưa bồi thường hết số tiền đã chiếm đoạt của bị hại là anh Bùi Văn M, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Quốc H nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn với mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vấn đề dân sự:

[6.1] Chiếc xe mô tô Honda SH màu đen biển kiểm soát 18H1-770.xx cùng giấy tờ xe đã được Cơ quan điều tra trả lại theo yêu cầu của chủ sở hữu hợp pháp là anh Trần Tiến Đ. Sau khi nhận lại tài sản, anh Đ không có đề nghị gì khác nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6.2] Bị hại là anh Bùi Duy M yêu cầu bị cáo Ngô Huỳnh Đ phải trả số tiền còn lại là 16.000.000 đồng, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự để buộc bị cáo Ngô Huỳnh Đ phải bồi thường cho anh Bùi Duy M số tiền 16.000.000 đồng.

Về tiền lãi trong trường hợp chậm thi hành án: Do anh Bùi Duy M không yêu cầu bị cáo Ngô Huỳnh Đ phải chịu tiền lãi nếu chậm thi hành án nên Hội đồng xét xử không buộc bị cáo phải chịu tiền lãi trong trường hợp chậm thi hành án.

[6.3] Đối với yêu cầu ông Đặng Quốc H trả lại số tiền 58.500.000 đồng của ông Trần Văn N, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 385, Điều 407, Điều 579, Điều 580 của Bộ luật Dân sự để buộc ông Đặng Quốc H phải trả lại ông Trần Văn N số tiền 58.500.000 đồng.

Về tiền lãi trong trường hợp chậm thi hành án: Do ông Trần Văn N không yêu cầu ông Đặng Quốc H phải chịu tiền lãi nếu chậm thi hành án nên Hội đồng xét xử không buộc ông Đặng Quốc H phải chịu tiền lãi trong trường hợp chậm thi hành án.

[6.4] Đối với yêu cầu bị cáo Ngô Huỳnh Đ phải trả lại số tiền 60.000.000 đồng của ông Đặng Quốc H, Hội đồng xét xử thấy: Ông Đặng Quốc H đã trả cho bị cáo Ngô Huỳnh Đ số tiền 60.000.000 đồng khi mua chiếc xe mô tô Honda SH màu đen biển kiểm soát 18H1-770.xx cùng giấy tờ xe, đồng thời ông Đặng Quốc H phải trả lại ông Trần Văn N số tiền 58.500.000 đồng như nhận định ở trên, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 579, Điều 580 của Bộ luật Dân sự để buộc bị cáo Ngô Huỳnh Đ phải trả lại cho ông Đặng Quốc H số tiền 60.000.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và ông Đặng Quốc H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bị cáo Ngô Huỳnh Đ còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

[7] Về xử lý vật chứng, tài sản, đồ vật:

- 01 vỏ hộp điện thoại (được niêm phong trong túi niêm phong có dấu niêm phong của Viện khoa học Hình sự - Bộ Công an); 01 sạc điện thoại (được niêm phong trong túi niêm phong có dấu niêm phong của Viện khoa học Hình sự - Bộ Công an); 01 chiếc điện thoại “Kiểu dáng” Iphone 15 Promax màu xám, số seri: DNPZD3QRN6YK (được niêm phong trong túi niêm phong có dấu niêm phong của Viện khoa học Hình sự - Bộ Công an); 01 chiếc điện thoại Iphone X màu trắng, đã qua sử dụng, số seri G6VW108HJCLG (được niêm phong trong túi niêm phong mã số NS3 1906686) là công cụ, phương tiện bị cáo Ngô Huỳnh Đ sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

[8] Về án phí:

[8.1] Bị cáo Ngô Huỳnh Đ bị kết án và phải bồi thường nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể: Số tiền còn lại phải bồi thường cho anh Bùi Duy M là $16.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 800.000 \text{ đồng}$; số tiền phải H trả cho ông Đặng Quốc H là $60.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.000.000 \text{ đồng}$.

[8.2] Ông Đặng Quốc H phải trả lại ông Trần Văn N số tiền 58.500.000 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể: $58.500.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.925.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Ngô Huỳnh Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Căn cứ vào Điều 38; điểm c, d khoản 2 Điều 174; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Ngô Huỳnh Đ 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 13-11-2023.

2. Về việc giải quyết vấn đề dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 385, Điều 407, Điều 579, Điều 580, Điều 584, Điều 589 của Bộ luật Dân sự

2.1 Buộc bị cáo Ngô Huỳnh Đ phải bồi thường cho anh Bùi Duy M số tiền còn lại là 16.000.000 (mười sáu triệu) đồng.

Bị cáo Ngô Huỳnh Đ không phải chịu tiền lãi của số tiền phải bồi thường trong trường hợp chậm thi hành án.

2.2 Buộc bị cáo Ngô Huỳnh Đ phải trả lại cho ông Đặng Quốc H số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và ông Đặng Quốc H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bị cáo Ngô Huỳnh Đ còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2.3 Buộc ông Đặng Quốc H phải trả lại ông Trần Văn N số tiền 58.500.000 (năm mươi tám triệu năm trăm nghìn) đồng.

Ông Đặng Quốc H không phải chịu tiền lãi của số tiền phải trả trong trường hợp chậm thi hành án.

3. Xử lý vật chứng, tài sản, đồ vật: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự

Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 vỏ hộp điện thoại (được niêm phong trong túi niêm phong có dấu niêm phong của Viện khoa học Hình sự - Bộ Công an); 01 sạc điện thoại (được niêm phong trong túi niêm phong có dấu niêm phong của Viện khoa học Hình sự - Bộ Công an); 01 chiếc điện thoại “Kiểu dáng” Iphone 15 Promax màu xám, số seri: DNPZD3QRN6YK (được niêm phong trong túi niêm phong có dấu niêm phong của Viện khoa học Hình sự - Bộ Công an); 01 chiếc điện thoại Iphone X màu trắng, đã qua sử dụng, số seri G6VW108HJCLG (được niêm phong trong túi niêm phong mã số NS3 1906686).

(Tất cả vật chứng, tài sản, đồ vật có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 125/YCN/2024 ngày 08-3-2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định).

4. Án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

4.1 Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Ngô Huỳnh Đ phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4.2 Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Ngô Huỳnh Đ phải nộp 800.000 (tám trăm nghìn) đồng đối với số tiền 16.000.000 đồng phải bồi thường cho anh Bùi Duy M và 3.000.000 (ba triệu) đồng đối với số tiền 60.000.000 đồng phải trả cho ông Đặng Quốc H.

4.3 Ông Đặng Quốc H phải nộp 2.925.000 (hai triệu chín trăm hai mươi năm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo Ngô Huỳnh Đ, bị hại là anh Bùi Duy M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Văn N, chị Trần Thị Tr được quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại là anh Trần Tiến Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Quốc H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định về phần dân sự được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo Ngô Huỳnh Đ, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và

9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND TP. N (02 bản);
- Công an TP. N;
- Chi cục THADS TP. N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lương Việt Bằng